TỈNH UỶ QUẢNG TRỊ * Số 11 -NQ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Quảng Trị, ngày 07 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

I. TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tiếp tục được khẳng định là chủ trương lớn, đúng đắn, nhất quán và hợp lòng dân, góp phần thay đổi căn bản diện mạo nông thôn gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền. Nhiều công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân; sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, các dự án hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, thu nhập cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và dân cư vùng khó khăn mang lại hiệu quả, giúp người dân từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững. Chất lượng giáo dục, y tế, đời sống văn hóa, tinh thần được cải thiện rõ nét; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn miền núi, biên giới được giữ vững.

Toàn tỉnh hiện có 69 xã thuộc phạm vi xây dựng nông thôn mới, trong đó có 3 xã nhóm 1, 28 xã nhóm 2 và 38 xã nhóm 3; theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 có 266 thôn, bản/khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 333 vườn hộ được công nhận vườn mẫu nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 4,29% so với đầu giai đoạn 2022 - 2025, bình quân giảm 1,04%/năm, qua đó đạt mục tiêu đề ra (giảm 1% - 1,5%/năm). Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 2025 ước tính là 54,02 triệu đồng/người/năm, trong đó khu vực nông thôn là 49,87 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 1,52 lần so với năm 2020. Có 39 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (trong đó: 01 xã khu vực I, 04 xã khu vực II, và 34 xã khu vực III); có 13 thôn/bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng nông thôn mới một số nơi còn mang tính hình thức, chạy theo thành tích, việc duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí tại các xã đạt chuẩn chưa thực sự bền vững cụ thể như: thu nhập của người dân còn thiếu ổn định; chất lượng môi trường nông thôn, cảnh quan và

công tác thu gom, xử lý rác thải chưa được duy trì thường xuyên; thiếu nguồn lực để bảo trì, nâng cấp một số công trình hạ tầng sau đầu tư; chất lượng các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa ở khu vực nông thôn chưa đồng đều. Khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền vẫn còn khá lớn, đặc biệt ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Công tác hỗ trợ sinh kế, giải quyết việc làm cho người dân còn thiếu tính ổn định, bền vững. Tỷ lệ nghèo đa chiều còn cao, nguy cơ tái nghèo còn hiện hữu; thu nhập và đời sống của người dân nông thôn còn thấp so với mặt bằng chung của khu vực và cả nước.

Những hạn chế trên là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Nguồn lực đầu tư cho Chương trình còn hạn chế, việc lồng ghép nguồn lực chưa hiệu quả, thiếu chiều sâu về phát triển sản xuất, dịch vụ và nâng cao năng lực cho người dân. Một số cấp uỷ, đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, những điểm nghẽn của Chương trình. Ý thức tự vươn lên của một bộ phận người dân còn hạn chế; còn trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Xác định việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Lấy người dân làm trung tâm, doanh nghiệp và hợp tác xã làm động lực, khoa học công nghệ và chuyển đổi số làm phương thức thực hiện; chuyển mạnh từ hỗ trợ sang tạo điều kiện phát triển, từ trợ giúp ngắn hạn sang phát triển sinh kế bền vững.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh, giàu bản sắc; giảm nghèo đa chiều, bền vững; phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, gắn với thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; nâng cao thu nhập, đời sống Nhân dân; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược, biên giới và hải đảo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 gấp 2,5 - 3 lần năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh;

- Phấn đấu tỷ lệ nghèo đa chiều của tỉnh duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn dưới 25%;

- Phấn đấu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Phấn đấu tối thiểu 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có tối thiểu 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2035

- Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh;

- Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm;

- Phấn đấu giảm tối thiểu 50% số xã, thôn khó khăn trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Phấn đấu có tối thiểu 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực quản trị và tổ chức thực hiện Chương trình

Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp và trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện Chương trình, xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ đầu ra trong triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm thực thi nhiệm vụ, lấy mức độ hài lòng của người dân làm thước đo, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương.

Tiến hành rà soát, sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình theo hướng đồng bộ, thống nhất, dễ áp dụng, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền hai cấp và tình hình thực tế của địa phương.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, phát huy vai trò chủ thể của người dân, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, tự vươn lên của người dân; chuyển mạnh từ "tuyên truyền" sang "hướng dẫn, hỗ trợ thay đổi hành vi sản xuất và sinh kế". Xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm, cách làm hiệu quả, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện chương trình.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng phục vụ sinh kế và chuyển đổi số

Khẩn trương hoàn thành quy hoạch chung cấp xã bảo đảm đồng bộ với quy hoạch chung tỉnh; phát huy lợi thế từng vùng, tạo không gian mới, tiền đề vững chắc cho phát triển khu vực nông thôn bền vững.

Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, bảo đảm kết nối liên vùng, liên xã, phục vụ hiệu quả sản xuất và đời sống Nhân dân. Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và sinh kế, như hạ tầng vùng nguyên liệu, hệ thống bảo quản, chế biến, logistics nông sản; tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư các công trình thiết yếu, đa dụng để đảm bảo an toàn cho người dân và sản xuất, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn, đường tuần tra biên giới, đường cơ động chiến lược phục vụ hiệu quả sản xuất, sinh kế của Nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phát triển hệ thống cảnh báo sớm và lực lượng ứng phó tại chỗ.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số nông thôn; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, đánh giá sự hài lòng của người dân. Xây dựng hệ thống dữ liệu số về nông thôn mới, giảm nghèo, dân cư và sinh kế, thúc đẩy thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản. Đồng thời tiếp tục triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" để nâng cao năng lực cho người dân, đặc biệt là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Xây dựng nông thôn mới bền vững và hiện đại; phát triển sinh kế, giảm nghèo đa chiều thực chất, thực hiện có hiệu quả các chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tiếp tục duy trì, hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới, hướng đến xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu bản sắc văn hoá và phát triển bền vững; chú trọng xây dựng mô hình thôn nông thôn mới thông minh, gắn với chuyển đổi số. Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn.

Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo theo hướng đa chiều, bền vững, chuyển mạnh từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ có điều kiện, tạo sinh kế lâu dài và nâng cao năng lực tự chủ cho người dân. Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế phù hợp với từng vùng sinh thái và từng nhóm đối tượng, ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật,

hướng dẫn sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ người dân tiếp cận tín dụng thị trường và dịch vụ xã hội cơ bản. Xây dựng và thực hiện hiệu quả các cơ chế phòng ngừa tái nghèo, gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác giảm nghèo bền vững, nhất là địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện có hiệu quả các chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số còn di cư tự do và ở những nơi có nguy cơ sạt lở. Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy chức năng "Đội quân công tác", đẩy mạnh công tác dân vận, phát huy các mô hình "Dân vận khéo" của lực lượng vũ trang tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học, cơ sở hạ tầng văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân sinh sống trên địa bàn.

4. Phát triển kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị; hình thành vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP, kinh tế tập thể, hợp tác xã, doanh nghiệp nông thôn nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị sản phẩm

Tiếp tục phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, kinh tế xanh, nông nghiệp tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

Ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh, trong đó tập trung vào các trụ cột: kinh tế rừng, nông nghiệp hàng hóa; du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng. Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực theo hướng liên kết, nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển mạnh các sản phẩm OCOP theo hướng đặc trưng, chất lượng cao.

Củng cố, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng hiện đại; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đóng vai trò dẫn dắt thị trường, liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

5. Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp huy động, bổ sung nguồn lực để thực hiện hiệu quả chương trình

Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, địa phương, các chương trình, dự án và nguồn lực xã hội hóa; rà soát phân kỳ đầu tư, ưu tiên bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh dàn trải, trùng lặp, lãng phí; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước, sử dụng vốn hiệu quả, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện chương trình.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách đặc thù, hỗ trợ từ ngân sách tỉnh ưu tiên cho các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, sản xuất và dịch vụ nông thôn, thúc đẩy và tạo đột phá về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, gắn hoạt động cho vay với hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, cá nhân, cộng đồng trên tinh thần tự nguyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Hoàn thành trong quý III/2026.

2. HĐND tỉnh rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy, tạo đột phá trong triển khai Chương trình; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện, bảo đảm thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

3. Đảng uỷ UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết bằng các chương trình, đề án, kế hoạch phù hợp; phân công rõ trách nhiệm, công việc, lộ trình, sản phẩm theo từng năm, từng giai đoạn; bảo đảm nguồn lực thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nghiên cứu, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Đồng thời, chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá kết

quả thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Hoàn thành việc xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch trong quý III/2026.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; tiếp tục triển khai hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; xây dựng các mô hình thôn, bản, xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội để thực hiện các mục tiêu của Chương trình. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời nắm bắt, tổng hợp, phản ánh, kiến nghị với cấp uỷ, chính quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh, góp phần tạo đồng thuận xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

5. Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết này; hướng dẫn các cấp uỷ, địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết theo hình thức phù hợp, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn xã hội và các tầng lớp nhân dân. Hoàn thành trong tháng 8/2026.

Nghị quyết được phổ biến đến chi bộ.

(Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 07/7/2026 của Tỉnh uỷ).

T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Phương

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các ban, UBKT và VPTW Đảng;
- Các vụ địa phương theo dõi tỉnh Quảng Trị; *(để b/c)*
- Đảng uỷ Chính phủ;
- Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, Đảng uỷ các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.